

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư
xây dựng công trình Khu Di tích Óc Eo**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2014 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phân cấp quyết định đầu; thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 3050A/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Khu Di tích Óc Eo (Đầu tư bổ sung một số hạng mục), tỉnh An Giang;

Xét Công văn số 3951/SXD-QLXD ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Sở Xây dựng An Giang về việc báo cáo kết quả thẩm định điều chỉnh, bổ sung Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Khu Di tích Óc Eo (Đầu tư bổ sung một số hạng mục),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Khu Di tích Óc Eo (Đầu tư bổ sung một số hạng mục), huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, với các nội dung như sau:

1. Điều chỉnh nội dung giảm hạng mục “Nạo vét hồ sen + đường nội bộ + gia cố kè thuộc Khu di tích Gò Cây Thị” nêu tại mục 7.3 khoản 7 Điều 1 Quyết định số 3050A/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang như sau:

Theo Quyết định số 3050A/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh	Điều chỉnh
<ul style="list-style-type: none"> - Nạo vét hồ sen + đường nội bộ + gia cố kè: + Nạo vét đất, đắp mặt đường ban bằng. + Xây kè đá học dài 30,7m. + Đường đan BTCT dài 58m, rộng 4m. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không thực hiện.

2. Bổ sung nội dung “*Quy mô đầu tư và giải pháp xây dựng hạng mục Mở rộng đường vào di tích Gò Cây Thị (đoạn từ cổng vào đến di tích) thuộc Khu di tích Gò Cây Thị*” nêu tại mục 7.3 khoản 7 Điều 1 Quyết định số 3050A/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

- Chiều dài tuyến đường: 260m.
- Cao trình mép đường (tiếp giáp dây phân cách): +3.3m (CĐQG) ÷ 3.50m (CĐQG).
- Chiều rộng nền đường: B = 3.5m.
- Chiều rộng mặt đường: Bm = 3.0m.
- Chiều rộng lề đường: Blê = 0.5m (chỉ có 01 lề).
- Dây phân cách: 1m.
- Độ dốc ngang mặt đường: i = 2%.
- Độ dốc ngang lề đường: i = 4%.
- Hệ số mái dốc đường: m = 1.5.
- Mặt đường BTCT đá 1 x 2 M200 dày 10cm.
- Lớp cao su mỏng trải trước khi đổ bê tông mặt đường.
- Lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 6cm.
- Đất đắp lề đường đầm chặt K = 0.95.

3. Bổ sung nội dung “*Quy mô đầu tư và giải pháp xây dựng Gia cố kè xung quanh và nâng nền sân của hạng mục cải tạo di tích khu A và B thuộc Khu di tích Gò Cây Thị*” nêu tại mục 7.3 khoản 7 Điều 1 Quyết định số 3050A/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

a. Nền sân khu di tích:

- Diện tích san lấp sân: 760m².
- Chiều cao san lấp: +0.5m.
- Cao trình san lấp: +2.80m.
- Sân đan BTCT đá 1x2 M200 dày 8cm, tạo nhám, kê ron rộng 20mm.
- Lớp cao su mỏng trải trước khi đổ bê tông mặt đường.
- Nâng mương thoát nước bằng gạch thẻ không nung: L=48m.

- Xây bó nền sân: 99m.

b. Gia cố kè xung quanh: gia cố 02 hàng cừ tràm L=5m, bngon >=4.5cm, đóng 8cây/m.

4. Điều chỉnh nội dung “Tổng mức đầu tư” nêu tại khoản 8 Điều 1 của Quyết định số 3050A/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục chi phí	Theo quyết định được duyệt số 3050A/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	Giảm hạng mục nạo vét hồ sen + đường nội bộ + gia cố kè	Bổ sung hạng mục mở rộng đường vào di tích gò cây thị, gia cố kè xung quanh, nâng nền sân di tích gò cây thị A, B	Tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh, bổ sung	(+) Tăng, (-) Giảm
	(1)	(2)	(3)	(4) = (1)-(2)+(3)	
Chi phí xây dựng	3.370	237	554	3.687	+317
Chi phí QLDA	77	6	18	89	+12
Chi phí tư vấn xây dựng	323	19	92	396	+73
Chi phí khác	251	12	32	271	+20
Chi phí bồi hoàn (tạm tính)	2.000	0	0	2.000	0
Dự phòng phí	659	45	35	297	-362
Cộng	6.681	319	731	6.740	

5. Điều chỉnh nội dung “*Thời gian thực hiện*” nêu tại khoản 10 Điều 1 của Quyết định số 3050A/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

Theo Quyết định số 3050A/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh	Điều chỉnh
Năm 2016 - 2017	Hết năm 2019

6. Điều chỉnh nội dung “*Tiến độ và phân kỳ đầu tư*” nêu tại khoản 11 Điều 1 của Quyết định số 3050A/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

Năm thực hiện	Ngân sách tỉnh (triệu đồng)	Ghi chú
2016	100	Chuẩn bị đầu tư
2017 (kể cả vốn kéo dài)	2.000	Thực hiện đầu tư
2018 (sử dụng vốn kéo dài 2017)	0	
2019 (dự kiến)	3.913	

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện nội dung điều chỉnh, bổ sung Báo cáo kinh tế kỹ thuật theo đúng Điều 1 của Quyết định này và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về Quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và các nội dung khác của Báo cáo kinh tế kỹ thuật vẫn thực hiện theo Quyết định số 3050A/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ đầu tư và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình